

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 09/5/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Đinh Thị Việt Anh	Nữ	13/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	1035/QĐ168/2023	TH005540	
2	Phan Văn Tuấn Anh	Nam	10/02/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	1036/QĐ168/2023	TH005541	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	1037/QĐ168/2023	TH005542	
4	Đinh Quân Bảo	Nam	17/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	1038/QĐ168/2023	TH005543	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	20/12/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	1039/QĐ168/2023	TH005544	
6	Phạm Đình Chính	Nam	19/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	1040/QĐ168/2023	TH005545	
7	Nguyễn Văn Đức	Nam	06/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	1041/QĐ168/2023	TH005546	
8	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	18/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	1042/QĐ168/2023	TH005547	
9	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	25/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	1043/QĐ168/2023	TH005548	
10	Nguyễn Đình Hiệp	Nam	20/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1044/QĐ168/2023	TH005549	
11	Cao Văn Hiếu	Nam	12/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1045/QĐ168/2023	TH005550	
12	Trần Huy Hoàng	Nam	12/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1046/QĐ168/2023	TH005551	
13	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	18/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1047/QĐ168/2023	TH005552	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
14	Nguyễn Trọng Huy	Nam	31/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1048/QĐ168/2023	TH005553	
15	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	11/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	1049/QĐ168/2023	TH005554	
16	Nguyễn Gia Khánh	Nam	27/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	1050/QĐ168/2023	TH005555	
17	Lưu Thị Linh	Nữ	10/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1051/QĐ168/2023	TH005556	
18	Lê Công Mạnh	Nam	10/9/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	1052/QĐ168/2023	TH005557	
19	Trần Thị Mỹ	Nữ	21/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	1053/QĐ168/2023	TH005558	
20	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	23/7/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	1054/QĐ168/2023	TH005559	
21	Tổng Khánh Nam	Nam	12/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	5.5	1055/QĐ168/2023	TH005560	
22	Nguyễn Thị Phương Ngân	Nữ	03/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	1056/QĐ168/2023	TH005561	
23	Phan Văn Ngọc	Nam	03/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	1057/QĐ168/2023	TH005562	
24	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	Nữ	03/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1058/QĐ168/2023	TH005563	
25	Hồ Yến Nhi	Nữ	01/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1059/QĐ168/2023	TH005564	
26	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	04/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	1060/QĐ168/2023	TH005565	
27	Cao Thị Oanh	Nữ	27/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1061/QĐ168/2023	TH005566	
28	Nguyễn Văn Phụng	Nam	03/5/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	1062/QĐ168/2023	TH005567	
29	Nguyễn Lương Quân	Nam	11/11/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	1063/QĐ168/2023	TH005568	
30	Nguyễn Xuân Quân	Nam	17/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1064/QĐ168/2023	TH005569	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
31	Lê Hồ Sung	Nam	09/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	1065/QĐ168/2023	TH005570	
32	Hoàng Anh Tấn	Nam	01/11/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	1066/QĐ168/2023	TH005571	
33	Dương Công Thái	Nam	14/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	1067/QĐ168/2023	TH005572	
34	Nguyễn Thị Phương Thúy	Nữ	28/10/1979	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	1068/QĐ168/2023	TH005573	
35	Trần Thị Lãnh Thủy	Nữ	24/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1069/QĐ168/2023	TH005574	
36	Lê Anh Tuấn	Nam	27/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	1070/QĐ168/2023	TH005575	
37	Ngô Thị Uyên	Nữ	20/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	1071/QĐ168/2023	TH005576	
38	Trịnh Thị Ngọc Vinh	Nữ	03/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	1072/QĐ168/2023	TH005577	
39	Lâm Trần Thảo Vy	Nữ	22/4/2004	Đồng Nai	Kinh	6.7	6.5	1073/QĐ168/2023	TH005578	
40	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	17/8/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	6.0	1074/QĐ168/2023	TH005579	

